

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 35/2019/HNGĐ-PT
Ngày: 01/7/2019
Về việc: “Tranh chấp chia tài
sản sau khi ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA**

- *Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Chinh;

Các thẩm phán: Ông Trương Quốc Văn;
Ông Nguyễn Ngọc Thắng.

-*Thư ký phiên tòa:* Ông Dương Xuân Tú -Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thanh Tâm - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 27 tháng 6 và ngày 01 tháng 7 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 21/2019/HNGĐ-PT ngày 09 tháng 5 năm 2019 về việc: “Tranh chấp chia tài sản sau khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2019/QĐDS- PT ngày 06 tháng 6 năm 2019 giữa:

1. *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Văn C, sinh năm 1974.

Địa chỉ: huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa.

2. *Bị đơn:* Chị Lại Thị H, sinh năm 1982.

Địa chỉ: huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Luật sư Lại Huy Phát - Văn Phòng Luật sư Hoàng Hưng - Đoàn Luật sư tHnh phố H Nội.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1931 (vắng mặt).

Địa chỉ: huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn Đ, 1958 .

Địa chỉ: huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hóa.

3.2. Ông Lê Ngọc L, 1964 và bà Nguyễn Thị H, 1968 (có mặt);

Địa chỉ: , phường Ba Đình, TP. Thanh Hóa.

3.4. Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1958 (có mặt).

Địa chỉ: huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hóa.

3.5. Ông Lại Văn H (có mặt) và bà Lê Thị K (vắng mặt ủy quyền cho ông H).

Địa chỉ: thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Anh Nguyễn Văn C và chị Lại Thị H kết hôn ngày 14/11/2002. Thời gian chung sống hạnh phúc đến cuối năm 2014 phát sinh mâu thuẫn, anh C có đơn yêu cầu TAND huyện Thọ Xuân giải quyết ly hôn.

Tại bản án sơ thẩm số 211/2017/HNGĐ-ST ngày 15/9/2017 của TAND huyện Thọ Xuân đã công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh C và chị H, giao mỗi bên nuôi 01 con chung và phân chia tài sản, công nợ trong thời kỳ hôn nhân.

Sau khi xử sơ thẩm, chị H kháng cáo không đồng ý việc phân chia tài sản;

Anh C kháng cáo đề nghị trích công sức cho ông B và yêu cầu giao cho anh toàn bộ thửa đất tại xã Vĩnh Tân, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương, anh sẽ chịu trách nhiệm trả nợ cho vợ chồng anh L, chị H;

Ông B kháng cáo đề nghị trích công sức trong tài sản chung của anh C, chị H;

Anh L, chị H kháng cáo như nội dung kháng cáo của anh C.

Tại bản án phúc thẩm số 09/2018/HNGĐ-PT ngày 22/3/2018 TAND tỉnh Thanh Hóa đã Quyết định:

Hủy phần chia tài sản và công nợ của bản án số 211/2017/HNGĐ-ST ngày 15/9/2017 của TAND huyện Thọ Xuân, chuyển hồ sơ cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại với lý do: Ngày 27/8/2018, Ngân Hng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Chi nhánh Thanh Hóa có công văn số 621 cung cấp cho TAND tỉnh Thanh Hóa trong thời gian từ năm 2006 đến năm 2016, Ngân Hng đã chi trả 06 món khiếu hỏi cho ông Lê Ngọc L, tổng số tiền là 30.302 USD, đây là chứng cứ mới liên quan đến xác định tài sản của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân chưa được xem xét mà không thể khắc phục được tại cấp phúc thẩm.

Quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp sơ thẩm, các bên trình bày như sau:

- Anh Nguyễn Văn C trình bày: Quá trình chung sống vợ chồng có tạo lập được số tài sản gồm: 01 xe máy trị giá 15.000.000đ và thửa đất số 1788, tờ bản đồ số 16 tại xã Vĩnh Tân, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương. Nguồn tiền mua đất do vợ chồng vay của anh Lê Ngọc L, chị Nguyễn Thị H 2.300.000.000đ vào cuối năm 2014, lãi xuất 1%/tháng. Khi vay có làm hợp đồng và chuyển tiền qua tài khoản Ngân Hng, ngoài ra vợ chồng không vay ai khác và cũng không cho ai vay. Anh yêu cầu sử dụng toàn bộ mảnh đất và chịu trách nhiệm trả nợ cho anh L, chị H, số còn lại sẽ chia cho chị H theo pháp luật. Đối với chiếc xe máy trị giá

15.000.000đ anh tự nguyện giao cho chị H sở hữu.

- *Chị Lại Thị H trình bày:* Công nhận vợ chồng có tạo lập được số tài sản như anh C trình bày, nhưng theo chị nguồn tiền mua mảnh đất này là do vợ chồng bán mảnh một đất cũ ở Bình Dương được 1.650.000.000đ, anh C gửi tiền cho anh Lê Ngọc L giữ, ngoài ra chị còn chuyển cho anh L 02 lần tiền, 01 lần chuyển qua tài khoản 200.000.000đ, 01 lần chuyển trực tiếp bằng Đ la Mỹ (khoảng gần 100.000.000đ) và hơn 260.000.000đ tiền mặt, sau đó anh L chuyển tiền vào cho anh C đi mua mảnh đất trên. Chị không thừa nhận khoản nợ anh L, chị H là nợ chung của vợ chồng. Chị yêu cầu được chia Đ đất và chia xe máy cho chị để chị có chỗ ở và phương tiện đi lại. Ngoài ra trong quá trình chung sống cùng gia đình chồng, vợ chồng có mua tủ lạnh, máy giặt, điều hòa, mái tôn, hiện nay ông B đang quản lý nhưng chị không yêu cầu giải quyết.

- *Ông Nguyễn Văn B trình bày:* Năm 2002 ông lo cưới vợ cho anh C, sau khi kết hôn vợ chồng ở chung với gia đình ông từ năm 2002 đến trước khi anh C và chị H ly hôn. Các tài sản gồm gồm tủ lạnh, máy giặt, điều hòa, mái tôn như chị H khai đều là tiền do ông dành dụm và tiền các con cho ông. Ngoài ra ông đề nghị được trích công sức đóng góp của ông trong khối tài sản chung của anh C và chị H.

- *Anh Lê Ngọc L và chị Nguyễn Thị H trình bày:* Trong quá trình anh C đi lao động xuất khẩu tại Hn Quốc có nhiều lần chuyển tiền vào tài khoản của anh L, mục đích chuyển tiền hộ cho các bạn Mai Văn Cường và Trịnh Minh Ngọc, sau khi nhận anh L đã chuyển lại cho người nH của anh Cường, anh Ngọc. Ngày 12/11/2014 anh chị có cho anh C vay số tiền 2.300.000.000đ để anh C mua thửa đất tại xã Vĩnh Tân, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương. Khi vay chỉ một mình anh C viết giấy vay tiền, anh chị chuyển tiền cho anh C qua Ngân Hng. Nay anh C, chị H ly hôn, anh chị yêu cầu anh C và chị H phải trả số tiền nợ gốc là 2.300.000.000đ và tiền lãi từ khi cho vay đến nay theo lãi suất 1%/tháng. Tại phiên tòa, anh L đề nghị tính lãi suất là 10%/năm theo lãi suất chậm trả của Bộ Luật dân sự 2015.

- *Ông Lại Văn H trình bày:* Đầu tháng 11/2009 anh C có vào nhờ ông mua đất tại Văn Phòng nH đất Hải Anh, vị trí đất tại thửa 1340, tờ bản đồ DC28, diện tích 150m², anh C nhờ ông đặt cọc và đứng tên trong GCNQSDĐ, ngày 08/12/2009 anh C đã nhờ ông Lê Ngọc L chuyển cho ông 500.000.000đ để thanh toán cho Văn phòng nH đất, ngày 08/12/2009 ông nhận được GCN thì anh C bảo ông gửi cho ông L giữ hộ. Đến ngày 10/9/2009 giá đất lên cao, anh C bán lại luôn mảnh đất tại thửa 1340 cho ông với giá 1.650.000.000đ và bảo ông chuyển tiền vào tài khoản của ông L. Do đó ngày 17/9/2014 ông đã chuyển cho ông L 900.000.000đ và ngày 25/9/2014 bà Lê Thị K (vợ ông) chuyển cho ông L 750.000.000đ.

Khoảng tháng 11/2014 anh C lại vào nhờ ông mua lô đất số 1788, tờ bản đồ 6, diện tích 912m² thuộc xã Vĩnh Tân, thị xã Tân Uyên. Ngày 25/11/2014 ông L chuyển tiền cho anh C, anh C ủy quyền cho ông đi làm các thủ tục, ngày 06/5/2014 ông nhận được GCNQSDĐ mang tên Nguyễn Văn C, anh C bảo ông gửi GCN cho ông L giữ hộ cho đến nay.

Tại bản án sơ thẩm số 57/2019/HNGĐ-ST ngày 14/3/2019 của Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân đã Quyết định:

Áp dụng: khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 2 Điều 228; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 33; 37; 59; 60 và Điều 62 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 463; 466; khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

- Chấp nhận yêu cầu chia tài sản sau khi ly hôn của anh Nguyễn Văn C và chị Lại Thị H.

Chia cho anh Nguyễn Văn C được sử dụng diện tích đất ở 465,365m² tại thửa số 1788, tờ bản đồ số 16 xã Vĩnh Tân, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương: Phía Tây giáp đường nhựa DB5 là 10,5m; phía Tây Bắc giáp đường DB5 và đường NB3 là 7,07m; phía Đông giáp tường nH trọ là 15,5m; phía Bắc giáp đường nhựa NB3 là 25,83m; phía Nam giáp phần đất chia cho chị H 30,83m. Trị giá 1.628.777.500đ (*một tỷ sáu trăm hai mươi tám triệu bảy trăm bảy mươi bảy nghìn năm trăm đồng*).

Chia cho chị Lại Thị H được sử dụng diện tích đất ở 447,035m² tại thửa số 1788, tờ bản đồ 16 xã Vĩnh Tân, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương: Phía Tây giáp đường nhựa DB5 là 14,5m; phía Đông giáp tường nH trọ 14,5m; phía Bắc giáp đất chia cho anh C 30,83m; phía Nam giáp đường thoát hiểm 30,83m. Trị giá 1.564.622.500đ (*một tỷ năm trăm sáu mươi tư triệu sáu trăm hai mươi hai nghìn năm trăm đồng*).

Anh C phải thanh toán tiền chênh lệch tài sản cho chị H 32.077.500đ (*ba mươi hai triệu không trăm bảy mươi bảy nghìn năm trăm đồng*).

Anh chị có trách nhiệm liên hệ với cơ quan có thẩm quyền làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định.

- Công nhận sự thỏa thuận giữa Đi bên giao cho chị H sở hữu 01 xe máy biển kiểm soát 36B2-605.18, trị giá 15.000.000đ (anh C đang quản lý), chị H không phải thanh toán chênh lệch.

- Chấp nhận yêu cầu của anh Lê Ngọc L và chị Nguyễn Thị H:

Buộc anh C và chị H phải trả cho anh L, chị H số tiền 2.566.304.162đ (*Hai tỷ năm trăm sáu mươi sáu triệu ba trăm lẻ bốn nghìn một trăm sáu mươi hai đồng*), trong đó: nợ gốc 1.794.128.988đ, nợ lãi 772.175.174đ.

Chia theo phần: Anh C và chị H mỗi người phải trả cho anh L, chị H 1.283.152.081đ, trong đó: nợ gốc 897.064.494đ, nợ lãi 386.087.587đ.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí thẩm định giá tài sản và giành quyền kháng cáo.

Ngày 02 tháng 4 năm 2019, chị Lại Thị H có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm với các nội dung:

- Theo bản án sơ thẩm ông Lại Văn H và bà Lê Thị K là người trực tiếp chuyển số tiền 1.650.000.000đ cho ông Lê Ngọc L, ông L chuyển cho chồng chị

mua mảnh đất tại xã Vĩnh Tân, huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không triệu tập ông H, bà K tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là vi phạm tố tụng.

- Tòa án cấp sơ thẩm chia cho anh C 465,365m² chia cho chị 447,035m² là trái nguyên tắc không chia tài sản riêng của vợ chồng (tại phiên tòa phúc thẩm chị H đã rút nội dung này vì lý do viết nhầm)

- Tòa án cấp sơ thẩm chia cho chồng chị vị trí đất sinh lời cao hơn là không khách quan.

Ngày 25/5/2019, chị Lại Thị H có đơn trình bày bổ sung:

Quá trình đi lao động tại H Quốc anh C nhiều lần gửi tiền về cho ông Lê Ngọc L, Tòa án cấp sơ thẩm chỉ thể hiện được 06 lần không làm rõ số lần C gửi tiền cho ông L, mỗi lần là bao nhiêu. Đó là tài sản chung của vợ chồng để xử cho khách quan, các nội dung kháng cáo khác giữ nguyên.

Tại phiên tòa phúc thẩm, chị H không rút kháng cáo, các bên không thỏa thuận được việc giải quyết vụ án.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân (sau đây gọi tắt là VKSND) tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm: Căn cứ khoản 3 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự (sau đây gọi tắt là BLTTDS), hủy bản án sơ thẩm, giao hồ sơ cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại, vì tại phiên tòa phúc thẩm xuất hiện các tình tiết mới không thể khắc phục được.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi xét xử sơ thẩm, bản án số 57/2019/HNGĐ-ST ngày 14/3/2019 của TAND huyện Thọ Xuân bị kháng cáo toàn bộ, việc kháng cáo của bị đơn trong thời hạn quy định của BLTTDS nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Xét kháng cáo của chị H về việc Tòa án cấp sơ thẩm không đưa ông Lại Văn H và bà Lê Thị K tham gia tố tụng là vi phạm nghiêm trọng, thấy rằng: Ông H và bà K là anh trai và chị dâu của chị Lại Thị H, tại Tòa án cấp sơ thẩm, ông H đã có Bản tường trình ngày 01/12/2017 về việc vào tháng 11/2009 ông có mua đất hộ anh C tại thửa số 1340, tờ bản đồ DC28, diện tích 150m², anh C nhờ ông đặt cọc và đứng tên giấy chứng nhận, sau đó giá đất lên cao anh C đã bán lại mảnh đất này cho ông với giá 1.650.000đ và vợ chồng ông đã chuyển số tiền này cho ông Lê Ngọc L (anh rể của anh C). Tòa án cấp phúc thẩm đã triệu tập ông H có mặt (bà K có giấy ủy quyền tham gia tố tụng cho ông H), tuy nhiên ông H không đưa ra được tài liệu, chứng cứ chứng minh thửa số 1340, tờ bản đồ DC28 có liên quan đến anh C, chị H, do đó không có căn cứ xác định mảnh đất này ông H đứng ra mua là tài sản chung của vợ chồng anh C, chị H.

[3] Xét kháng cáo của chị H về việc Tòa án cấp sơ thẩm chia cho anh C vị trí đất sinh lời cao hơn là không khách quan, thấy rằng: Quá trình giải quyết, các bên

đều thống nhất thửa đất số 1788, tờ bản đồ 16 (xã Vĩnh Tân, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương) là tài sản chung của vợ chồng đã được Tòa án cấp sơ thẩm ủy thác thẩm định, định giá tháng 5/2017 với giá bình quân cho toàn bộ mảnh đất là 3.500.000đ/m². Thực tế mảnh đất có diện tích lớn (918,4m²) và tiếp giáp với hai mặt đường. Tòa án cấp sơ thẩm đã chia quyền sử dụng đất cho cả hai bên như trên là đúng, tuy nhiên chưa tính đến giá trị chênh lệch giữa phần đất chia cho anh C có vị trí đầu ve tiếp giáp với hai mặt đường và phần đất chia cho chị H chỉ có một mặt đường, do đó kháng cáo của chị H là có cơ sở. Tại cấp phúc thẩm các bên không thỏa thuận được với nhau giá trị chênh lệch giữa hai phần đất là bao nhiêu và đều đề nghị tiến hành thẩm định, định giá lại, do đó không thể khắc phục ngay tại cấp phúc thẩm nên cần phải hủy bản án sơ thẩm giao cho Tòa án cấp sơ thẩm tiến hành biện pháp thu thập chứng cứ để đảm bảo quyền lợi cho các bên.

[4] Xét kháng cáo của chị H về việc Tòa án cấp sơ thẩm chưa làm rõ toàn bộ số lần anh C gửi tiền về cho ông Lê Ngọc L để xác định tài sản chung của vợ chồng. Thấy rằng: Sau khi kết hôn, anh C có thời gian đi lao động tại Hn Quốc từ năm 2006 đến năm 2016. Tại Công văn số 621/NHNo-KDNH ngày 27/2/2018, anh C có 06 lần gửi tiền về tài khoản của ông Lê Ngọc L cụ thể:

- 12/5/2009 gửi 4.672USD;
- 01/6/2009 gửi 4.613USD;
- 10/9/2009 gửi 4.128USD;
- 04/8/2011 gửi 2.000USD;
- 30/11/2011 gửi 5.989USD;
- 04/4/2012 gửi 8.900USD.

Tổng cộng: 30.320USD.

Nhưng theo chị H thì tổng số tiền anh C gửi về cho anh L phải là 53.641 USD, chị H xuất trình chứng cứ về các lần chuyển tiền khác giữa anh C và ông L, cụ thể:

- 06/2/2007 gửi 830 USD;
- 06/4/2007 gửi 1.570 USD;
- 06/7/2007 gửi 2.565 USD;
- 30/1/2007 gửi 2.560 USD;
- 04/8/2008 gửi 3.485 USD.

Các lần chuyển tiền nêu trên không trùng với 06 lần đã xác minh làm rõ, ngoài ra còn xuất trình 03 quyển sổ lương khác của anh C trong năm 2007. Các tài liệu, chứng cứ này tại cấp sơ thẩm chưa có bản dịch tiếng Việt và chưa được xem xét, giải quyết.

Theo anh C và ông L, phần lớn các lần chuyển tiền từ Hn Quốc về là do bạn anh C gửi nhờ cho người thân qua tài khoản của ông L, ông L nhận hộ và được

hưởng hoa hồng, tuy nhiên do thời gian đã lâu nên không nhớ và chưa thể chứng minh tại phiên tòa phúc thẩm. Các tài liệu, chứng cứ nêu trên là tình tiết mới cần phải được xác minh tại Ngân Hng nông nghiệp và Phát triển nông thôn Chi nhánh Thanh Hóa mới có căn cứ giải quyết vụ án.

Sau khi làm rõ và có căn cứ xác định được tổng số tiền anh Gửi từ Hn Quốc về là tài sản của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân, sau khi trừ đi các khoản nợ chung mới có căn cứ để chia, khi chia cần tính đến công sức của mỗi bên trong việc tạo lập, phát triển khối tài sản để đảm bảo quyền lợi của mỗi bên theo pháp luật.

[5] Do việc điều tra thu thập chứng cứ chưa đầy đủ mà không thể khắc phục được tại phiên tòa phúc thẩm, cần hủy bản án sơ thẩm để giao cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại theo thủ tục chung.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: khoản 3 Điều 308; khoản 1 Điều 310 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Hủy bản án sơ thẩm số 57/2019/HNGĐ - ST ngày 14/3/2019 của TAND huyện Thọ Xuân, giao hồ sơ cho Tòa án nhân huyện Thọ Xuân giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

Án phí dân sự phúc thẩm: Áp dụng khoản 3 Điều 29 Nghị quyết 326/UBTV QH 14 về án phí, lệ phí Tòa án: Hoàn trả cho chị H 300.000đ tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu số AA/2017/0001449 ngày 04/4/2019 của Chi cục Thi Hnh án dân sự huyện Thọ Xuân.

Án xử công khai, phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại H Nội;
- VKSND tỉnh Thanh Hoá;
- VKSND huyện Thọ Xuân;
- TAND huyện Thọ Xuân;
- Chi cục THADS huyện Thọ Xuân;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Thị Chinh